

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Cần Đước, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Chi nhánh Công ty Cổ phần CETAS tại văn bản số 01/CV ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn - Công suất: 50.000 tấn sản phẩm/ năm” tại hồ sơ số H39.21-240417-0201/TNHS; Văn bản số 01/CV ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi nhánh Công ty Cổ phần CETAS về việc giải trình hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn - Công suất: 50.000 tấn sản phẩm/ năm;

Theo Đề nghị số 3559/ĐN-TNMT ngày 24/4/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Công ty Cổ phần CETAS; địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn - Công suất: 50.000 tấn sản phẩm/ năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn - Công suất: 50.000 tấn sản phẩm/ năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 50, Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0317942828-002. Nơi cấp: Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An; đăng ký lần đầu ngày 23/02/2024.

1.4. Mã số thuế: 0317942828-002.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi: Quốc lộ 50, ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. (Thửa đất 362, 348, tờ bản đồ số 8, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An với tổng diện tích đất là 34.032,6 m² (Theo hợp đồng thuê đất và quyền sử dụng đất Số: 260324/HĐM-CMLCtetas giữa Công ty Cổ phần Cetas và Công ty TNHH Đầu tư Cầu Mỹ Lợi).

1.6.2. Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

1.6.3. Quy trình công nghệ sản xuất:

Kho cát; kho cốt thép, kho phụ kiện → kiểm → căng cáp → Kiểm tra → Lắp đặt, đóng ván → Kiểm tra → Đổ bê tông → Bảo dưỡng → tháo ván → Kiểm tra → Hoàn thiện sản phẩm.

1.6.4. Công suất: 50.000 tấn sản phẩm/năm.

1.6.5. Nguyên liệu và hóa chất sử dụng: Cáp tiền áp, thép Φ6 – Φ12, móc cầu Φ20, ống thép Φ21, đầu phun nước – co nối, ống nối Φ21 x 30, kẽm buộc, que hàn, cát, đá 1x2, xi măng, nước, điện, dầu FO, dầu DO, nhớt...

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Công ty Cổ phần CETAS được cấp giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần CETAS có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải,

khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 4 năm 2024 đến hết ngày tháng 4 năm 2034. Giấy phép môi trường hết hiệu lực trước thời hạn trong trường hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần CETAS và Công ty TNHH Đầu tư Cầu Mỹ Lợi không gia hạn thời gian thuê đất và quyền sử dụng đất để tiếp tục thực hiện dự án).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn - Công suất: 50.000 tấn sản phẩm/ năm của Chi nhánh Công ty Cổ phần CETAS theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Q.CT, PCT UBND huyện;
- CVP, PCVP;
- Phòng TN&MT;
- CVKT;
- UBND xã Phước Đông;
- CN Công ty CP CETAS;
- Cổng Thông tin điện tử của huyện;
- Lưu:VT.TNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Đào Hữu Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Cần Đức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt tại dự án phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa thiết bị trộn bê tông tươi.

2. Dòng nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận là Sông Vàm Cỏ đoạn tiếp giáp với dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- + Vị trí xả nước thải của nguồn số 1 có tọa độ: X = 1163644, Y = 680368
- + Vị trí xả nước thải của nguồn số 2 có tọa độ: X = 1163523, Y = 680338
(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8,0 m³/ngày, chế độ xả nước thải liên tục theo hoạt động của cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa sẽ được Công ty xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Khu vực văn phòng, khu vực gia công cấu kiện và đổ bê tông: chủ đầu tư tiến hành xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa là hệ thống cống tròn bê tông cốt thép đặt dưới vỉa hè đường giao thông nội bộ, dọc theo hai bên đường, thoát nước ra Sông Vàm Cỏ tiếp giáp với dự án ở phía Bắc. Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa trong khu dự án được dẫn về các hố ga thu và chảy theo hệ thống cống dọc đường nội bộ và thoát ra Sông Vàm Cỏ.

Khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng và sản phẩm hoàn thiện: Chủ đầu tư tiến hành xây dựng hệ thống thoát nước bằng mương hở có kích thước rộng 1,5m; sâu 1,5m dọc theo chiều dài vị trí tiếp giáp của dự án với Sông Vàm Cỏ, chiều dài mương

hở khoảng 350m và bố trí 10 hố ga nhằm lắng toàn bộ lượng cặn như cát, đá trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là Sông Vàm Cỏ.

Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ chảy ra nguồn tiếp nhận là Sông Vàm Cỏ tại 01 điểm đầu nối nằm tiếp giáp giữa dự án và Sông Vàm Cỏ với tọa độ X = 1163416, Y = 680216 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Nước thải phát sinh khoảng 8,0 m³/ngày từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc và hoạt động sản xuất tại dự án được thể hiện cụ thể như sau:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày phát sinh từ 01 khu nhà vệ sinh sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được thu gom bằng ống uPVC D114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại dự án.

- Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình sản xuất với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày phát sinh từ quá trình rửa thiết bị trộn bê tông tươi, sau xử lý sơ bộ bằng quá trình hóa lý được thu gom ống uPVC D114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại dự án.

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A với $K_q = 1,2$; $K_f = 1,2$ được dẫn ra hố ga giám sát nước thải thông qua đường ống PVC D114mm có tổng chiều dài khoảng 150m trước khi đầu nối tại 02 điểm đầu nối tiếp giáp với nguồn tiếp nhận với tọa độ điểm 1: X = 1163644, Y = 680368; tọa độ điểm 2 X = 1163523, Y = 680338 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 01 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích là 13,5 m³, thể tích mỗi bể là 4,5 m³ (kích thước 3,0 x 3,0 x 1,5m).

- Thông số kỹ thuật của của bể tự hoại như sau:

Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng: LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
Bể tự hoại 3 ngăn	01 bể	3,0x3,0x1,5m	13,5	BTCT

- 01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất: 3 m³/ ngày đêm với sơ đồ công nghệ như sau: Nước thải sinh hoạt (3 m³/ngày đêm) đã xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải → bể lọc sinh học → bể khử trùng → nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A với $K_q = 1,2$; $K_f = 1,2$.

- Thông số kỹ thuật của của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng: LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
Bể sinh học hiếu khí	01 bể	4,0x2,0x1,5m	12	Xây gạch
Bể khử trùng	01 bể	4x2,0x1,5m	12	Xây gạch

- 01 Hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất: 5 m³/ ngày đêm với sơ đồ công nghệ như sau: Nước thải sản xuất (5 m³/ngày đêm) → hệ thống thu gom nước thải → bể lắng 1 → bể lắng 2 → bể lọc cơ học → nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A với $K_q = 1,2$; $K_f = 1,2$.

- Thông số kỹ thuật của của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng: LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
Bể lắng 1	01 bể	3,0x2,0x1,8m	10,8	BTCT
Bể lắng 2	01 bể	2,0x1,2x1,8m	4,32	BTCT
Bể lắng lọc cơ học	01 bể	2,0x1,2x1,8m	4,32	BTCT

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; hút hầm bể tự hoại định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Stt	Công trình xử lý chất thải	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất dự kiến
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Hệ thống thu gom nước mưa	08/2024	12/2024	80% công suất dự án
2	Hệ thống thu gom nước thải	08/2024	12/2024	
3	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	08/2024	12/2024	
4	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	08/2024	12/2024	
5	Thu gom chất thải nguy hại + chất thải sinh hoạt	08/2024	12/2024	

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 mẫu nước thải tại hồ ga giám sát bên ngoài hàng rào (hồ ga cuối cùng) X = 1163644, Y = 680368; X = 1163523, Y = 680338 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Cần Đức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Không phát sinh nguồn khí thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Không phát sinh nguồn khí thải.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Không phát sinh nguồn khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Không phát sinh nguồn khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

2.3. Tần suất lấy mẫu:

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước

khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Cần Đức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động tại khu vực gia công sắt thép.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động trạm trộn bê tông tươi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tọa độ X = 1163485, Y = 680324.
- Nguồn số 02: tọa độ X = 1163520, Y = 680337.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và

giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Cần Đức)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Stt	Thành phần CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	Rắn	10
2	Giẻ lau dầu mỡ	18 02 01	Rắn	20
3	Pin, ắc quy	16 01 12	Rắn	10
4	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	5
5	Tổng cộng			45

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng ước tính khoảng 3.5 tấn/năm, bao gồm chủ yếu là xà bần; đất, sỏi, đá, sản phẩm không đạt yêu cầu.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt tại dự án với khối lượng ước tính khoảng 15 kg/ngày chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 3 thùng PVC loại 240 lít màu vàng có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa.

- Diện tích: 20 m² (kích thước LxB = 5mx4m, chiều cao H = 3 m).

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê-tông. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao 10cm. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thu và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 03 thùng rác PVC loại 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 10 m² (kích thước LxB = 5mx2m, chiều cao H = 3,0 m).
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Tường bằng tôn, khung thép, nền BTCT, có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- 04 thùng dung tích 20 lít đặt tại nhà vệ sinh, văn phòng.
- 03 thùng dung tích 240 lít đặt tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt của dự án.

2.3.2. Khu vực tập kết:

- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 5 m² (có mái che, kích thước LxB = 1,25mx4m).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế nhà kho chứa hóa chất hóa chất theo TCVN 5507:2002 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật hóa chất; Trường hợp rơi ngã thiết bị chứa hóa chất nhưng không tràn đổ hóa chất ra môi trường: Sử dụng xe nâng hàng để tiếp tục di chuyển kiện hàng hóa chất đến vị trí chất xếp, sử dụng (kiểm tra lại chất lượng thiết bị chứa trước khi chất xếp); Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất: Thông tin cho mọi người xung quanh được biết sự cố, cách ly khu vực có hóa chất bị rò rỉ bằng các biển cảnh báo, người cảnh giới, cách ly càng xa càng tốt, nhân viên Đội ứng phó sự cố có mặt tại hiện trường nhanh chóng trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, sử dụng các vật liệu thấm hút (giẻ lau nếu tràn đổ ít hay dùng cát nếu tràn đổ nhiều) hoặc dụng cụ xúc đổ để thu gom hóa chất tràn đổ, lưu chứa vào thùng phuy rộng và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định, sử dụng phương tiện xe nâng di chuyển thiết bị chứa hóa chất bị vỡ, tràn đổ đến lưu chứa tại kho chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định; áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất được duyệt, theo quy định khác.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Cần Đước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về UBND huyện Cần Đước trước **ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về UBND huyện Cần Đước trong **thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải.

10. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

11. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

12. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12*), báo cáo gửi về trước ngày 15/01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.